

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

Số: *2432* /LĐTBXH-QHLĐTL
V/v báo cáo tình hình tiền lương,
tiền thưởng đối với Quỹ hỗ trợ
phát triển hợp tác xã

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày *28* tháng *7* năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã thì Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý Quỹ hợp tác xã hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Để có căn cứ xây dựng, ban hành Thông tư hướng dẫn nội dung nêu trên, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chỉ đạo các Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã báo cáo một số nội dung theo đề cương (đính kèm) và gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 30 tháng 8 năm 2021 (đồng thời gửi qua email: hiepkt@molisa.gov.vn).

Trân trọng cảm ơn./ *u*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Cục QHLĐTL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
CHỦ TRƯỞNG**

[Handwritten signature]
Lê Văn Thanh

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tình hình tiền lương, tiền thưởng đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã
(Kèm theo công văn số 2432/LĐTBXH-QHLĐTL ngày 28/8/2021 của Bộ Lao
động - Thương binh và Xã hội)

I. Cơ cấu tổ chức, hoạt động, đặc thù hoạt động và cơ chế tiền lương quỹ đang áp dụng

1. Khái quát chung về:

- Cơ cấu tổ chức, bộ máy và mô hình hoạt động của Quỹ;
- Cơ chế tiền lương đang áp dụng;
- Các chỉ tiêu hoạt động, tiền lương, tiền thưởng của người lao động và người quản lý quỹ (tổng hợp theo bảng 1,2,3 kèm theo công văn).

2. Đánh giá điểm giống, khác nhau giữa Quỹ và doanh nghiệp nhà nước (về cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động, tính chất đặc thù của Quỹ...).

II. Rà soát, đánh giá điểm phù hợp, chưa phù hợp, khó khăn vướng mắc của các Quỹ khi áp dụng cơ chế tiền lương chung của doanh nghiệp nhà nước (đối chiếu với các quy định tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP, Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ; Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

1. Về việc xếp hạng doanh nghiệp;
2. Về thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động;
3. Về xác định quỹ tiền lương theo cơ chế của doanh nghiệp nhà nước;
4. Về loại trừ yếu tố khách quan khi xác định tiền lương của người lao động và người quản lý;
5. Các nội dung khác.

III. Đề xuất, kiến nghị khi xây dựng Thông tư hướng dẫn tiền lương đối với Quỹ

1. Xếp hạng doanh nghiệp;
 2. Chỉ tiêu xác định quỹ tiền lương của người lao động, người quản lý (phương pháp tính năng suất lao động, lợi nhuận...);
 3. Việc xây dựng thang lương, bảng lương đối với Quỹ;
 4. Loại trừ yếu tố khách quan khi xác định tiền lương;
 5. Các nội dung khác.
-

CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG

(Kèm theo công văn số 2432/LDTBXH-QHLĐTL ngày 28/11/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

| Số TT | Tên Quỹ | Vốn chủ sở hữu (tr.đ) | | | Tổng doanh thu (tr.đ) | | | Tổng chi phí (tr.đ) | | | Dư nợ cho vay (tr.đ) | | | Tỷ lệ nợ xấu (tr.đ) | | | Lợi nhuận (tr.đ) | | |
|-------|---------|-----------------------|----------------|---------------|-----------------------|----------------|---------------|---------------------|----------------|---------------|----------------------|----------------|---------------|---------------------|----------------|---------------|------------------|----------------|---------------|
| | | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Người lập biểu
(ký và ghi rõ họ tên)

... .., ngày ... tháng ... năm
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Tên Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

Biểu số 2

TÌNH HÌNH TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

(Kèm theo công văn số 2432/LDTBXH-QHLDLTL ngày 28/ 8/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

| Số TT | Tên Quỹ | Tổng số lao động thực tế sử dụng bình quân (người) | | | Quỹ tiền lương (tr.đ) | | | Quỹ khen thưởng, phúc lợi (tr.đ) | | | Tiền lương bình quân thực tế (tr.đ/tháng) | | | Thu nhập bình quân (tr.đ/tháng) | | |
|-------|---------|--|----------------|---------------|-----------------------|----------------|---------------|----------------------------------|----------------|---------------|---|----------------|---------------|---------------------------------|----------------|---------------|
| | | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | | | | |

Người lập biểu
(ký và ghi rõ họ tên)

... .., ngày ... tháng ... năm
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

TÌNH HÌNH TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG, THÙ LAO CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ
 (Kèm theo công văn số ~~2432~~ **LDTBXH-QHLĐTL** ngày ~~28/7~~ **28/7**/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

| Số TT | Tên Quỹ | Người quản lý chuyên trách | | | | | | | | | Người quản lý không chuyên trách | | | | | | | | | |
|-------|---------|----------------------------|----------------|---------------|-----------------------|----------------|---------------|---|----------------|---------------|----------------------------------|----------------|---------------|--------------------------------|----------------|---------------|------------------------------------|----------------|---------------|--|
| | | Số lượng người (1) | | | Quỹ tiền lương (tr.đ) | | | Tiền lương bình quân thực tế (tr.đ/tháng) | | | Số lượng người (2) | | | Thù lao bình quân (tr.đ/tháng) | | | Tiền thưởng bình quân (tr.đ/tháng) | | | |
| | | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú:

(1), (2) Tính bình quân theo số lượng người quản lý chuyên trách hoặc không chuyên trách trong năm.

Người lập biểu
 (ký và ghi rõ họ tên)

... .., ngày ... tháng ... năm
Thủ trưởng đơn vị
 (ký tên, đóng dấu)

DANH SÁCH CÁC ĐỊA PHƯƠNG CÓ QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ

| STT | Tên Quỹ | STT | Tên Quỹ |
|-----|---|-----|---|
| 1 | Quỹ trợ vốn xã viên HTX TPHCM | 26 | Quỹ HTPHTX TP Đà Nẵng |
| 2 | Nguồn vốn hỗ trợ PHTX tỉnh An Giang | 27 | Quỹ HTPHTX tỉnh Bạc Liêu |
| 3 | Nguồn vốn hỗ trợ phát triển HTX tỉnh Tiền Giang | 28 | Quỹ HTPHTX tỉnh Bình Dương |
| 4 | Quỹ HTPHTX tỉnh Đắk Lắk | 29 | Quỹ HTPHTX tỉnh Bắc Ninh |
| 5 | Quỹ HTPHTX TP Hà Nội | 30 | Nguồn vốn tín dụng hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Quảng Ninh |
| 6 | Quỹ trợ vốn PHTX tỉnh Đồng Nai | 31 | Quỹ HTPHTX tỉnh Đồng Tháp |
| 7 | Quỹ HTPHTX tỉnh Vĩnh Phúc | 32 | Quỹ HTPHTX tỉnh Long An |
| 8 | Quỹ HTPHTX tỉnh Hà Tĩnh | 33 | Quỹ HTPHTX tỉnh Bình Phước |
| 9 | Quỹ HTPHTX tỉnh Quảng Trị | 34 | Quỹ HTPHTX tỉnh Đắk Nông |
| 10 | Quỹ HTPHTX tỉnh Cà Mau | 35 | Quỹ HTPHTX tỉnh Tây Ninh |
| 11 | Quỹ quay vòng PHTX tỉnh Ninh Bình | 36 | Quỹ HTPHTX tỉnh Hà Giang |
| 12 | Quỹ HTPHTX TP Hải Phòng | 37 | Quỹ HTPHTX tỉnh Sơn La |
| 13 | Nguồn vốn hỗ trợ phát triển HTX (thí điểm) của tỉnh Hải Dương | 38 | Quỹ HTPHTX tỉnh Điện Biên |
| 14 | Quỹ HTPHTX tỉnh Lai Châu | 39 | Quỹ HTPHTX tỉnh Lạng Sơn |
| 15 | Quỹ HTPHTX tỉnh Phú Thọ | 40 | Quỹ HTPHTX tỉnh Hòa Bình |
| 16 | Quỹ HTPHTX tỉnh Thái Nguyên | 41 | Quỹ HTPHTX tỉnh Kon Tum |
| 17 | Quỹ HTPHTX tỉnh Sóc Trăng | 42 | Quỹ HTPHTX tỉnh Trà Vinh |
| 18 | Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể tỉnh BR-VT | 43 | Quỹ HTPHTX tỉnh Quảng Ngãi |
| 19 | Quỹ HTPHTX tỉnh Khánh Hòa | 44 | Quỹ HTPHTX tỉnh Bắc Cạn |
| 20 | Quỹ HTPHTX tỉnh Lâm Đồng | 45 | Quỹ HTPHTX tỉnh Hà Nam |

| | | | |
|----|--|----|-----------------------------|
| 21 | Quỹ HTPHTX tỉnh Yên Bái | 46 | Quỹ HTPHTX tỉnh Tuyên Quang |
| 22 | Quỹ HTPHTX tỉnh Hưng Yên (UBND tỉnh giao trực tiếp cho Chủ tịch LM quản lý và báo cáo trước UBND tỉnh) | 47 | Quỹ HTPHTX tỉnh Thái Bình |
| 23 | Quỹ Hỗ trợ KTTT tỉnh Bắc Giang | 48 | Quỹ HTPHTX tỉnh Bình Định |
| 24 | Quỹ HTPHTX tỉnh Quảng Nam | 49 | Quỹ HTPHTX tỉnh Thanh Hóa |
| 25 | Quỹ HTPHTX tỉnh Hậu Giang | 50 | Quỹ HTPHTX tỉnh Cao Bằng |
| 51 | Quỹ HTPHTX Trung ương (quỹ Trung ương thuộc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam) | | |